

Biểu số:
06.9/BTNMT
Ngày báo cáo:

**SO SÁNH MỨC ĐỘ PHÙ HỢP
CỦA TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI VỚI
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẢ
NƯỚC**

Đơn vị báo cáo:
Đơn vị nhận báo
cáo:

STT	Các vùng kinh tế - xã hội	Loại đất theo mục đích sử dụng ¹³⁷	Diện tích (ha)		
			TN2 + TN3	Hiện trạng	So sánh
A	B	1	2	3	4 = 2 - 3
1	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Đất trồng cây hàng năm			
		Đất trồng cây lâu năm			
		...			
		Đất có mục đích công cộng			
2		Đất trồng cây hàng năm			
		Đất trồng cây lâu năm			
		...			
		Đất có mục đích công cộng			
6	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Đất trồng cây hàng năm			
		Đất trồng cây lâu năm			
		...			

¹³⁷ Loại đất theo mục đích sử dụng đất quy định tại bảng 2 phụ lục 3 Thông tư này

		Đất có mục đích công cộng			
--	--	---------------------------	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.... tháng.... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

6. Biểu số 06.9/BTNMT: So sánh mức độ phù hợp của tiềm năng đất đai với hiện trạng sử dụng đất cả nước

Cột B: Ghi danh sách các vùng kinh tế - xã hội;

Cột 1: Thống kê các loại đất theo mục đích sử dụng tại bảng 2 của phụ lục 3 Thông tư này;

Cột 2: Ghi diện tích tiềm năng đất đai trung bình, cao tương ứng với các loại đất theo mục đích sử dụng của từng vùng kinh tế - xã hội;

Cột 3: Ghi diện tích hiện trạng sử dụng đất tương ứng với các loại đất theo mục đích sử dụng của từng vùng kinh tế - xã hội;

Cột 4: Ghi diện tích của từng loại đất theo mục đích sử dụng của từng vùng kinh tế xã hội; Cột 4 = cột 2 - cột 3